

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN DU
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 10/2022/DSST

Ngày: 25/3/2022

V/v: “*Tranh chấp kiện đòi
tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN DU, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Xuân; bà Đào Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Cường - Thư ký TAND huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc: kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-DS ngày 07/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1967. Vắng mặt

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ông M, bà H ủy quyền cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn Đ, xã V, Tiên Du, Bắc Ninh. Có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980. Có mặt

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982. Có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 09/7/2011 (AL) tức ngày 08/8/2011 (DL) vợ chồng bà H, ông M có cho anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị T là người cùng thôn vay số tiền 70.000.000đ và 53 chỉ vàng (gồm 03 cây vàng thỏi và 02 dây chuyền, còn bằng nhẫn) để kinh doanh làm ăn. Khi vay hai bên có lập giấy vay tiền do bà H viết và hai bên ký nhận

bà H và ông M ký bên người vay hộ và anh T, chị T ký mục người vay.

Trong giấy hai bên không thỏa thuận lãi suất và thỏa thuận thời hạn trả nợ là đến khi vợ chồng bà H, ông M cần thì anh T, chị T phải có nghĩa vụ phải trả.

Quá trình thực hiện anh T, chị T không thanh toán trả mặc dù bà H, ông M đã nhiều lần yêu cầu anh T, chị T phải trả khoản nợ trên.

Theo đơn khởi kiện bà H, ông M yêu cầu anh T, chị T phải trả số tiền là 70.000.000đ và 53 chỉ vàng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà H thừa nhận ngày 09/10/2017 anh D là anh trai anh T có trả hộ anh T 09 chỉ vàng còn lại 44 chỉ vàng chưa thanh toán cho bà H, ông M. Do đó, bà H, ông M rút yêu cầu buộc anh T, chị T phải trả 09 chỉ vàng.

Nay bà H, ông M yêu cầu anh T, chị T phải trả số tiền là 70.000.000đ và 44 chỉ vàng 9999. Bà H, ông M không yêu cầu anh T, chị T phải trả lãi suất.

Phía bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Năm 2011 vợ chồng chị có vay của ông Nguyễn Đức M, bà Nguyễn Thị H là người cùng làng số tiền 70.000.000đ và 01 cây vàng. Khi vay hai bên có lập giấy vay tiền nhưng chỉ lập 01 bản do ông M, bà H viết và lưu giữ. Vợ chồng chị có ký nhận vào mục người vay. Khi vay có thỏa thuận lãi nhưng lãi suất thế nào chị không nhớ. Toàn bộ số tiền, vàng vay do anh T cầm.

Quá trình thanh toán chị có trả cho bà H số tiền 50.000.000đ khi trả do trời mưa nên chị chỉ đứng ngoài đưa cho bà H và có bảo bà H ghi sổ trừ nợ và chị không ký sổ của bà H. Ngoài ra, ngày 09/10/2017 vợ chồng chị có nhờ anh Nguyễn Văn D là anh trai anh T trả nợ cho bà H 09 chỉ vàng. Khi anh D trả cho bà H thì bà H có ký sổ của anh D.

Chị T xác nhận chữ ký trên giấy vay tiền năm 2011 bà H, ông M cung cấp là chữ ký của chị và giấy vay tiền có sự chỉnh sửa nhưng chị T không đề nghị giám định giấy vay tiền này.

Hiện nay vợ chồng chị chỉ còn nợ ông M, bà H số tiền là 20.000.000đ và 01 chỉ vàng.

Việc ông M, bà H yêu cầu vợ chồng chị phải trả số tiền 70.000.000đ và 44 chỉ vàng chị không nhất trí.

Anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh nhiều lần vay tiền của ông bà M H và trả nhiều lần đến năm 2011 anh còn nợ lại ông bà M H số tiền ông M, bà H yêu cầu là 70.000.000đ và 53 chỉ vàng tương đương 377.400.000đ. Số tiền và vàng nay anh vay một mình không liên quan đến chị T. Anh đề nghị được trả dần mỗi tháng khoảng 4.000.000đ đến 5.000.000đ.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thoan là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị T phải thanh toán cho bà H, ông M số tiền gốc 70.000.000 đồng và 44 chỉ vàng 9999 theo giá thị trường tại thời điểm xét xử. Rút yêu cầu buộc anh T, chị T phải trả 09 chỉ vàng. Bà H, ông M không yêu cầu anh T, chị T phải trả lãi suất.

Chị T trình bày: Chị không nhất trí với yêu cầu của ông M, bà H. Chị xác nhận chữ ký trong giấy vay tiền là của chị nhưng giấy vay tiền chỉ lập một bản do ông M, bà H giữ. Trên giấy vay số vàng vay bị tẩy sửa. Chị chỉ vay số tiền 70.000.000đ và 01 cây vàng. Chị đã thanh toán trả ông M, bà H 09 chỉ vàng và số tiền 50.000.000đ. Hiện chị còn nợ 20.000.000đ và 01 chỉ vàng. Chị không đề nghị giám định giấy vay tiền giữa vợ chồng chị với ông M, bà H.

Anh T trình bày: Anh xác nhận chữ ký trong giấy vay tiền là của anh và chị T. Anh nhất trí với yêu cầu của ông M, bà H vợ chồng anh còn nợ ông M, bà H số tiền 70.000.000đ và 44 chỉ vàng. Do điều kiện khó khăn anh xin trả dần.

Các đương sự đồng ý giá vàng 9999 theo giá công bố tại T Web: sinhdiengold.com.vn của Công ty vàng S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị HĐXX:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 97, 98, 203, 208, 209, 210, 220 BLTTDS; Điều 116, 117, 119, 278, 280, 351, 358 BLDS năm 2015, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đức M: Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị T phải trả lại số tiền 314.420.000đ gồm: Số tiền 70.000.000 đồng và 44 chỉ vàng tương đương 244.420.000đ cho bà H, ông M.

+ Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Đức M, bà Nguyễn Thị H buộc anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị T phải trả 09 chỉ vàng.

+ Anh T, chị T phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đức M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị T địa chỉ tại thôn Tử Nê, xã M Đạo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh phải trả số tiền 70.000.000đ và 44 chỉ vàng theo hợp đồng vay ngày 09/7/2011 (ẤL) nên Tòa án nhân dân huyện Tiên Du thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu không yêu cầu anh T, chị T thanh toán 09 chỉ vàng nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 BLTTDS đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[2] Nội dung vụ án:

Giữa bà H, ông M và anh T, chị T là người cùng làng. Theo bà H, ông M ngày 09/7/2011 (ÂL) tức ngày 08/8/2011 (DL) vợ chồng bà H, ông M có cho anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị T vay số tiền 70.000.000đ và 53 chỉ vàng (gồm 03 cây vàng thỏi và 02 giây chuyền, còn bằng nhẫn) để kinh doanh làm ăn. Phía anh T, chị T mới trả được cho ông, bà 09 chỉ và hiện tại còn nợ số tiền 70.000.000đ và 44 chỉ vàng 9999. Phía chị T cho rằng chị chỉ vay bà H, ông M số tiền 70.000.000đ và 01 cây vàng, chị đã trả được 50.000.000đ và 09 chỉ vàng hiện còn nợ 20.000.000đ và 01 chỉ vàng. Anh Nguyễn Văn T cho rằng anh vay nhiều lần và ngày 09/7/2011 (ÂL) là chốt nợ còn nợ lại là 70.000.000đ và 53 chỉ vàng là đúng và anh đề nghị khoản vay này không liên quan đến chị T, anh đề nghị trả dần mỗi tháng từ 4.000.000đ đến 5.000.000đ.

Xét giấy vay tiền ngày 09/7/2011(ÂL) thể hiện ngày 09/7/2011 (ÂL) ông M, bà H cho anh T, chị T vay số tiền 70.000.000đ và 53 chỉ vàng (gồm 03 cây vàng thỏi và 02 dây chuyền, còn bằng nhẫn) để kinh doanh làm ăn. Trong giấy hai bên không thỏa thuận lãi suất và thỏa thuận thời hạn trả nợ là đến khi vợ chồng bà H, ông M cần thì anh T, chị T phải có nghĩa vụ phải trả. Giấy vay tiền cho bà H viết và anh T, chị T thừa nhận chữ ký trên vay vay tiền là của anh chị.

Như vậy, hai bên đã ký kết hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và không có lãi suất. Việc ký kết hợp đồng vay tiền ngày 09/7/2011 (ÂL) tức ngày 08/8/2011 (DL) là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Do đã hết thời hiệu khởi kiện nên ông M, bà H khởi kiện đòi anh T, chị T phải trả số tiền và vàng đã vay là có căn cứ.

Phía chị T cho rằng vợ chồng chị chỉ vay số tiền 70.000.000đ và 01 cây vàng. Chị đã trả cho bà H số tiền 50.000.000đ và 09 chỉ vàng hiện còn nợ 20.000.000đ và 01 chỉ vàng. Tuy nhiên, chị T không có căn cứ chứng M đã thanh toán cho bà H số tiền 50.000.000đ và chỉ vay 01 cây vàng. Ngoài ra, chị T cho rằng giấy vay tiền chỉ viết một bản và bị tẩy xóa số vàng, tuy nhiên phần loại vàng đã ghi cụ thể số vàng “03 cây vàng thỏi và 02 giây chuyền, còn bằng nhẫn” nên chị T cho rằng chỉ vay 01 cây vàng là không có căn cứ. Quá trình giải quyết anh T là chồng chị T thừa nhận có vay của ông M, bà H số tiền 70.000.000đ và 53 chỉ vàng và hiện còn nợ ông M, bà H số tiền 70.000.000đ và 44 chỉ vàng. Anh T đề nghị khoản vay này không liên quan đến chị T và anh đề nghị trả dần nhưng giấy vay tiền do anh T, chị T ký và ông M, bà H vẫn yêu cầu anh T, chị T phải trả số tiền, vàng đã vay. Mặt khác, anh T, chị T vẫn tồn tại hôn nhân hợp pháp nên yêu cầu của anh T không được xem xét, chấp nhận.

Quá trình thanh toán anh T, chị T mới trả được 09 chỉ vàng, ngoài ra chưa thanh toán khoản tiền, vàng nào khác.

Do đó, ông M, bà H yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị T phải trả số tiền gốc đã vay là 70.000.000đ và 44 chỉ vàng là có căn cứ được chấp nhận.

Tại thời điểm xét xử sơ thẩm theo giá vàng tại T Web: sinhdiengold.com.vn thì giá vàng 9999 là 5.555.000đ x 44 chỉ = 244.420.000đ.

Về lãi suất ông M, bà H không yêu cầu anh T, chị T phải trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức M, bà Nguyễn Thị H buộc anh T, chị T phải có trách nhiệm trả cho ông M, bà H tổng số tiền là 314.420.000đ, trong đó: Tiền là 70.000.000đ và 44 chỉ vàng 9999 tương đương 244.420.000đ.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên anh T, chị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 116, 117, 119, 278, 280, 351, 358 Bộ luật Dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án; Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức M, bà Nguyễn Thị H: Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị T phải trả ông M, bà H tổng số tiền là 314.420.000đ, trong đó: Tiền là 70.000.000đ và 44 chỉ vàng 9999 tương đương 244.420.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không chịu trả số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Đức M, bà Nguyễn Thị H buộc anh T, chị T phải trả 09 chỉ vàng.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 15.721.000đ.

Hoàn trả ông Nguyễn Đức M, bà Nguyễn Thị H số tiền 9.435.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001904 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh
- VKSND huyện Tiên Du;
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Xuân Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Xuân – Đào Thị Thu

Ngô Xuân Phong